TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**ỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 995/2017/DS-PT
Ngày**:** 07/11/2017
V/v tranh chấp hợp đồng vận chuyển.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quang
Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hương
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*** Ông Phạm Hoàng Lâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 11 năm 2017 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 438/2017/DS-PT ngày 28 tháng 9 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vận chuyển.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 410/2017/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2305/2017/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trí Q, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số 134, Tổ xx, Ấp x, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B

Địa chỉ: Đường Tỉnh lộ 15, ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Liêu Văn H, sinh năm 1960. Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T, sinh năm 1962

Địa chỉ: Đường Tỉnh lộ 15, ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền số 232/GUQ-CTBS, ngày 15/6/2016 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 11/5/2016, lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ông Nguyễn Trí Q trình bày:

Tháng 4/2013, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Công ty B) cho ông vay 50% số tiền mua xe tải để vận chuyển mủ cao su cho Công ty B từ vườn cây khai thác về nhà máy, 50% còn lại do ông tự đầu tư, thể hiện qua Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD-2013 ngày 16/4/2013.

Ngày 02/5/2013, Công ty B ký với ông Hợp đồng số 06/HĐVC-CTBS về việc vận chuyển mủ từ lô cao su khai thác về nhà máy chế biến (sau đây họi tắt là Hợp đồng vận chuyển), thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 02/5/2013 đến ngày 28/02/2018, ông vừa là chủ xe vừa là tài xế. Theo nội dung Hợp đồng, Công ty B bảo đảm thu nhập của ông bằng cam kết có hàng vận chuyển trong toàn bộ thời gian hai bên ký hợp đồng (05 năm). Đến năm 2014, Công ty B có trục trặc trong công tác điều hành, dẫn đến sản lượng mủ cao su giảm, xe ông vận chuyển không ổn định, ngày chạy ngày nghỉ hoặc chở không đủ tải, không còn đủ lương cho tài xế. Tháng 3/2016, Công ty B mời ông về họp thông báo chấm dứt hợp đồng do làm ăn thua lỗ, yêu cầu ông thanh lý xe để trả nợ cho Công ty B, Công ty B đưa ra khoản tiền hỗ trợ cho ông khi chấm dứt Hợp đồng là 40.000.000đ, đây là khoản tiền lãi ông đã trả theo Hợp đồng tín dụng cho Công ty nhưng ông không đồng ý. Việc đề nghị chấm dứt hợp đồng Công ty B chỉ nói miệng, không lập biên bản dù ông có yêu cầu. Do không đồng ý với việc Công ty B chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn, ông khởi kiện yêu cầu Công ty B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại thu nhập thực tế bị mất trong 02 năm ông không có việc làm, số tiền bồi thường ông tính trên thu nhập 03 năm vận chuyển mủ là 429.000.000đ, sau khi trừ các chi phí phải bỏ ra, thu nhập thực tế 03 năm là 317.747.396đ, bình quân mỗi năm thu nhập 105.915.799đ, 02 năm là 211.831.597đ nhưng ông chỉ yêu cầu Công ty B bồi thường số tiền 200.000.000đ.

Trong quá trình Tòa án hòa giải, Công ty B đưa ra mức lương của một số công nhân làm việc tại Công ty B để tham khảo là 3.509.202đ/tháng, ông không đồng ý với mức lương trên vì nó vô lý, mức lương này không đủ đảm bảo để ông lo cho gia đình, bản thân và hàng tháng còn trả nợ cho Công ty B theo Hợp đồng tín dụng, ông làm dịch vụ cho Công ty trên cơ sở hợp đồng vận chuyển.

Tại phiên tòa, sau khi được Hội đồng xét xử phân tích, ông đồng ý chia sẻ thiệt hại với Công ty B, theo đó ông chỉ yêu cầu Công ty B bồi thường cho ông số tiền 100.000.000đ, số tiền 100.000.000đ còn lại ông xin rút yêu cầu.

* Tại văn bản trình bày ý kiến số 241/CTBS-TC-HC ngày 24/6/2016, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là Công ty B - có người đại diện theo ủy quyền là Ông Nguyễn T trình bày:

Để tạo công việc làm cho người lao động và kêu gọi đầu tư từ bên ngoài, năm 2013 Công ty B có chủ trương thuê xe vận chuyển mủ và hỗ trợ cho các chủ phương tiện vận chuyển vay 50% vốn để đầu tư, từ chủ trương trên, Công ty B có ký với Ông Nguyễn Trí Q Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng vận chuyển đúng như ông Q trình bày.

Sau khi ký kết, hai bên đã thực hiện đầy đủ cam kết trong các hợp đồng cho đến tháng 12/2015, do biến động của thị trường, giá mủ cao su xuống thấp nên hoạt động trong ngành khai thác mủ cao su không hiệu quả, thực hiện theo chỉ đạo của Tổng Công ty SG về việc sắp xếp, đổi mới, giải thể các ngành nghề sản xuất kinh doanh bị thua lỗ, năm 2016 Công ty B ngưng sản xuất ngành khai thác chế biến mủ cao su, từ đó các hoạt động liên quan cũng chấm dứt. Tháng 3/2016 Công ty B đã mời ông Q cùng những người có ký kết hợp đồng vận chuyển mủ đến Công ty B để thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng nhưng không thỏa thuận được. Thời điểm mời ông Q đến giải quyết, Tổng Công ty SG chưa có văn bản thông báo ngưng kinh doanh ngành khai thác chế biến mủ cao su, Công ty B chỉ nắm ý kiến chỉ đạo miệng của cấp trên, đến tháng 7/2016 Công ty B mới nhận được Thông báo số 706/TB-TCT ngày 25/7/2016 về việc kết luận và chỉ đạo của Tổng Giám đốc Công ty SG.

Công ty B không vi phạm điều khoản nào trong hợp đồng vận chuyển mủ cao su với ông Q, trong hợp đồng cũng không có điều khoản nào thể hiện Công ty B cam kết đảm bảo khối lượng mủ vận chuyển cho ông Q trong thời hạn 05 năm và phải bồi thường thiệt hại nếu có thiệt hại xảy ra. Công ty B sẽ tạo điều kiện hoàn trả lãi vay mua xe ông Q đã nộp và không tính lãi trên nợ gốc đối với những kỳ hạn nợ chưa thanh toán, tổng cộng là 50.000.000đ.

Công ty B đưa ra bảng lương của công nhân để Tòa án tham khảo, còn việc giải quyết vụ án như thế nào là do Tòa án quyết định. Công ty B cũng thống nhất trong quá trình thực hiện hợp đồng vận chuyển, tổng thu nhập bình quân mỗi năm của ông Q là 139.000.000đ, chưa trừ chi phí xăng dầu, khấu hao xe, thuế… Mức thu nhập còn lại của ông Q Công ty B không có con số chính xác, ông Q phải có trách nhiệm chứng minh mức thu nhập thực tế còn lại sau khi trừ tất cả các chi phí. Đối với 02 năm còn lại của hợp đồng vận chuyển thì thu nhập của ông Q không còn cao như 03 năm đã vận chuyển, vì vườn cây cao su tới chu kỳ thanh lý nên không đạt sản lượng khai thác, như vậy khối lượng vận chuyển sẽ giảm.

Việc ông Q yêu cầu Công ty B bồi thường thu nhập bị mất trong 02 năm còn lại của hợp đồng là 200.000.000đ Công ty B không đồng ý. Tại phiên tòa ông Q yêu cầu bồi thường 100.000.000đ Công ty B cũng không đồng ý.

Tại Bản án sơ thẩm số: 410/2017/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ông Nguyễn Trí Q.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B Thành phố Hồ Chí Minh phải bồi thường thiệt hại cho Ông Nguyễn Trí Q số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Thi hành ngay sau khi Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Ông Nguyễn Trí Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B Thành phố Hồ Chí Minh chậm trả tiền thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B Thành phố Hồ Chí Minh phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) của Ông Nguyễn Trí Q.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự, chi phí định giá, chi phí thẩm định giá, chi phí bản vẽ, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B Thành phố Hồ Chí Minh đồng ý bồi thường cho Ông Nguyễn Trí Q số tiền là 90 triệu đồng, thanh toán 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trí Q tự nguyện chịu.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B Thành phố Hồ Chí Minh tự nguyện chịu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến hết quá trình xét xử phúc thẩm. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Đơn kháng cáo của bị đơn được thực hiện trong thời hạn luật định nên được chấp nhận về mặt hình thức.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn yêu cầu xem xét lại mức bồi thường; Tuy nhiên tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án**,** việc thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án theo hướng công nhận thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu xem xét lại mức bồi thường; Tuy nhiên tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án**,**

việc thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng công nhận thỏa thuận của các đương sự:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường cho Ông Nguyễn Trí Q số tiền là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), thanh toán 01 lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng) Ông Nguyễn Trí Q chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) Ông Nguyễn Trí Q đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 04599, ngày 31/5/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C nên ông Q được hoàn lại số tiền là 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B Thành phố Hồ Chí Minh chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B Thành phố Hồ Chí Minh đã nộp theo biên lai số 7222 ngày 30/8/2017. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B Thành phố Hồ Chí Minh đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu (T15).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Quang